

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 348/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, vùng quy hoạch, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận tại Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 9414/BC-HĐTĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh và Báo cáo

số 13/BC-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

I. TÊN QUY HOẠCH

Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. PHẠM VI QUY HOẠCH

1. Tỉnh Bình Thuận có tổng diện tích tự nhiên 7.943,93 km² và diện tích vùng lãnh hải rộng 52.000 km²:

- a) Phía Bắc giáp với tỉnh Lâm Đồng.
- b) Phía Đông Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận.
- c) Phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai.
- d) Phía Tây Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- đ) Phía Đông và Nam giáp Biển Đông.

2. Thời kỳ lập Quy hoạch:

- a) Thời kỳ lập Quy hoạch: 2021 - 2030.
- b) Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

III. QUAN ĐIỂM LẬP QUY HOẠCH

1. Việc lập “Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” phải phù hợp với các nội dung định hướng chiến lược phát triển đất nước thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, các quy hoạch ngành quốc gia, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành và các quy hoạch đã được phê duyệt liên quan đến địa bàn tỉnh. Đồng thời đảm bảo phù hợp với nội lực của tỉnh và khả năng huy động các nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, bền vững trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của tỉnh.

2. Đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành trên địa bàn; phát triển hài hòa các địa phương, vùng lãnh thổ trên địa bàn tỉnh; phù hợp với khả năng cân đối, huy động về nguồn lực triển khai của tỉnh Bình Thuận.

3. Đánh giá đầy đủ giá trị địa kinh tế - chính trị của tỉnh; các tác động từ điều kiện và bối cảnh bên ngoài đến phát triển của tỉnh; các cơ hội liên kết giữa tỉnh Bình Thuận với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, với các tỉnh vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, cả nước và quốc tế (đặc biệt là các quốc gia trong khu vực); khả năng khai thác hành lang kinh tế Bắc Nam; khả

năng khai thác các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết (CTPPP, EVFTA...).

4. Đảm bảo tính khả thi trong triển khai, đáp ứng các nhu cầu trong giai đoạn 2021 - 2025; 2026 - 2030 và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tầm nhìn đến năm 2050.

5. Đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tạo nền tảng cho phát triển trên cơ sở tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

6. Đảm bảo tính công khai, minh bạch giúp cho quá trình hỗ trợ ra quyết định trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

7. Đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy đối với việc thu thập dữ liệu, số liệu thống kê cũng như nguồn cung cấp thông tin để làm căn cứ xây dựng các định hướng và yêu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

IV. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

1. Quy hoạch là căn cứ khoa học và công cụ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp của tỉnh Bình Thuận sử dụng trong hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

2. Quy hoạch tỉnh đưa ra các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp đầy nhanh thực hiện các đột phá phát triển; đồng thời loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận cũng như phát huy tối đa các nguồn lực trong hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

3. Quy hoạch tỉnh đưa ra các định hướng và giải pháp bố trí không gian phát triển hợp lý nhằm giải quyết các xung đột về không gian (giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng, lãnh thổ...) trong địa bàn tỉnh cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hiệu quả các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

4. Là cơ sở để xây dựng và triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công trung hạn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, đảm bảo tính khách quan, khoa học.

5. Hướng tới phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường và đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn.

V. NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

1. Đảm bảo sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy

hoạch, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như các văn bản pháp luật quốc tế có liên quan về biển, đảo, các văn bản pháp luật về biên giới quốc gia.

2. Đảm bảo tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo sự kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; phân tích, đánh giá và định hướng phát triển được dựa trên mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, tính kết nối liên ngành, liên lĩnh vực và liên vùng.

3. Bền vững và dài hạn: Đảm bảo lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Đảm bảo tính kế thừa và tính mở; nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, vận dụng các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước (trong đó có kế thừa và cụ thể hóa các nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030) cũng như các quy hoạch cấp quốc gia trước đó.

5. Đảm bảo tính thị trường trong huy động, phát huy các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

6. Đảm bảo tính liên kết không gian, hợp lý về thời gian trong quy hoạch.

7. Khả thi và thích ứng: Đảm bảo tính khả thi trong triển khai, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước.

8. Phòng ngừa: Có không gian, nguồn lực và các chính sách phản ứng nhanh khi có sự cố xảy ra (thiên tai, sự cố có tính thảm họa...).

VI. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về nội dung của Quy hoạch:

Nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Quy hoạch tỉnh Bình Thuận phải xây dựng được phương án phát triển toàn diện, dài hạn, có trọng tâm, trọng điểm và có bước đi thích hợp với trật tự ưu tiên rõ ràng có tính tới yêu cầu phát triển của cả nước, vùng Duyên hải

Nam Trung Bộ, đặc biệt là vị trí kết nối giữa vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, cụ thể:

- Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện và nguồn lực phát triển và dự báo khả năng khai thác các nguồn lực cho phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 - 2020, rút ra được những thành tựu, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

- Đánh giá sự hiệu quả, tính hợp lý về thực trạng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định mục tiêu, quan điểm và phương án phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và cụ thể hoá cho giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

- Xây dựng các phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và tổ chức không gian lãnh thổ cho các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó:

 - + Xác định phương án phát triển các ngành, lĩnh vực và các địa phương cho từng giai đoạn phát triển, trong đó xác định các phương tiện, lộ trình và kế hoạch hành động để thực hiện phương án phát triển.

 - + Tính toán khả năng tạo việc làm, tăng năng suất lao động và dự báo nhu cầu lao động cho từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

 - + Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xác định những vùng và thành phần dân cư, nhóm dân cư yếu thế cần hỗ trợ và những vùng, địa bàn, ngành kinh tế có vai trò động lực phát triển; có biện pháp giảm dần chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư.

 - + Xác định các chương trình, dự án đầu tư phát triển theo thứ tự ưu tiên.

 - Các giải pháp thực hiện mục tiêu quy hoạch.

2. Các nội dung chính của quy hoạch

a) Đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và bối cảnh phát triển của tỉnh Bình Thuận.

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Bình Thuận về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

- Đánh giá thực trạng phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; hiện trạng sử dụng đất.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng.

- Tổng hợp những lợi thế, cơ hội, khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Phân tích bối cảnh, đánh giá, nhận định về các lợi thế, khó khăn, cơ hội, thách thức và những sáng kiến ưu tiên của tỉnh thời kỳ quy hoạch, trong đó tập trung phân tích, dự báo các yếu tố, điều kiện của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh; xác định vị thế, vai trò của Bình Thuận đối với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước; đánh giá tổng hợp các cơ hội, thách thức, thuận lợi, khó khăn tác động đến phát triển của tỉnh thời kỳ quy hoạch; đề xuất những sáng kiến ưu tiên của tỉnh thời kỳ quy hoạch.

b) Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Xác định quan điểm về phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Xây dựng các kịch bản (phương án) phát triển và lựa chọn phương án phát triển của tỉnh.

- Luận chứng xây dựng mục tiêu phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Luận chứng để dự báo, xác định vị thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận vào các năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội, trong đó:

+ Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh.

+ Xác định phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng.

+ Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển.

+ Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện.

+ Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện.

- Phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng, trong đó xác định phương án quy hoạch phát triển hệ thống đô thị; các khu dân cư nông thôn; các khu chức năng.

- Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu nhất là biến đổi khí hậu gây xâm thực các bãi biển trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

- Đề xuất các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

c) Nội dung tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bình Thuận:

- Thực trạng và xây dựng phương án phát triển kinh tế tổng hợp, phân vùng kinh tế của tỉnh và liên kết vùng; tổng thể phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; các cân đối vĩ mô của nền kinh tế; phát triển kinh tế biển; các hành lang kinh tế của tỉnh; đánh giá và định hướng khai thác tiềm năng và lợi thế đặc thù, nổi trội của tỉnh Bình Thuận cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Phương án quy hoạch phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Phương án quy hoạch phát triển những khu vực có vai trò là động lực của tỉnh.

- Phương án phát triển nông nghiệp (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản) và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi (hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, kè biển, kè sông, xâm thực bờ biển... và hạ tầng thủy lợi) trên địa bàn tỉnh.

- Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện tỉnh Bình Thuận.

- Phương án quy hoạch sử dụng mặt biển và đáy biển thuộc lãnh hải trên địa bàn tỉnh quản lý.

- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá tổng hợp về địa chất, khoáng sản và phương án thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Phương án quy hoạch các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.
- Phương án quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải (đường bộ, đường hàng không, đường sắt, đường biển...) và hạ tầng giao thông phục vụ logistics trên địa bàn tỉnh.
- Phương hướng bố trí không gian và định hướng phát triển hệ thống đô thị - nông thôn, kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước gắn với phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh.
- Phương án quy hoạch phát triển khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tổ chức không gian phát triển công nghiệp, trong đó tập trung vào công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật phát triển các khu, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt gắn với sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, các khu, điểm, chuỗi phát triển du lịch trọng điểm của tỉnh Bình Thuận gắn với tổng thể du lịch của vùng và cả nước.
- Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông và mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, phương án tăng cường năng lực của tỉnh Bình Thuận để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Phương án phát triển dịch vụ, cơ sở hạ tầng mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển giáo dục - đào tạo và cơ sở hạ tầng mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh.
- Phương án phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát triển, thu hút nguồn nhân lực theo nhu cầu phát triển trên địa bàn tỉnh.
- Phương án sử dụng đất quốc phòng trên địa bàn tỉnh
- Phương án sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện trên địa bàn tỉnh.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Phan Thiết.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thị xã La Gi.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Tuy Phong.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Bắc Bình.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Hàm Thuận Bắc.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Hàm Thuận Nam.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Tánh Linh.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Đức Linh.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Hàm Tân.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Phú Quý.

VII. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về phương pháp lập Quy hoạch:

Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận hệ thống, tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các phương pháp lập Quy hoạch:

- Phương pháp tích hợp quy hoạch.

- Phương pháp nghiên cứu tại địa bàn.

- Phương pháp khảo sát thực địa.

- Phương pháp so sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý, bản đồ (GIS).

- Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia và các phương pháp phân tích chuyên ngành.

- Phương pháp mô hình.

- Phương pháp tham vấn.
- Phương pháp hội nghị, hội thảo, tọa đàm.
- Một số phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật và tính đặc thù của tỉnh Bình Thuận.

VIII. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ VÀ TIỀN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ:

a) Phần văn bản:

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận.
- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Bình Thuận, báo cáo tóm tắt kèm theo các sơ đồ, bản đồ thu nhỏ.

- Các phụ lục và văn bản pháp lý liên quan.

- Các báo cáo nội dung đề xuất tích hợp và Quy hoạch tỉnh Bình Thuận.

b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Hệ thống bản đồ in và số:

- + Bản đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của tỉnh trong vùng và cả nước.
- + Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên của tỉnh.
- + Bản đồ hiện trạng kinh tế - xã hội của tỉnh.
- + Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn.
- + Bản đồ hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của tỉnh.
- + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
- + Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh.
- + Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh.
- + Bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn tỉnh.
- + Bản đồ phân vùng và tổ chức không gian phát triển tỉnh.
- + Bản đồ xây dựng vùng liên huyện.
- + Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.
- + Bản đồ quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh.
- + Bản đồ định hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh.
- + Bản đồ định hướng phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

- + Bản đồ quy hoạch tỉnh.
- + Bản đồ xây dựng vùng huyện.
- + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
- + Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển các khu vực trọng điểm của tỉnh.

- Các sơ đồ nghiên cứu phân tích quy hoạch.

c) Cơ sở dữ liệu Quy hoạch (đĩa CD).

2. Chi phí lập Quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tiến độ lập Quy hoạch: Không quá 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch 2017.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận triển khai thực hiện lập Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Bình Thuận;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHĐP (3b).Thg.

12



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trịnh Đình Dũng